TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2019/DS-PT**
Ngày 28-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Trịnh Dy Trung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 96/2019/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Điểu Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố Đài, tỉnh Bình Phước.

Theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2018.

- *Bị đơn:* Ông Điểu D, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Thị L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người làm chứng*:

1/Ông Điểu N,sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2/Ông Điểu C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Bà H, ông D, bà L có mặt; Ông T, ông C vắng mặt không có lý do; ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Điểu D; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thị L.

NỘI DNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Minh T trình bày :

Giữa bà Điểu Thị H và vợ chồng ông Điểu D, bà Thị L do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 18/12/2016 bà Điểu Thị H cho ông Điểu D vay số tiền gốc 197.000.000 đồng; thời hạn vay 02 tuần (từ ngày 18/12/2016 đến ngày 02/01/2017) trả nợ; lãi suất trong thời hạn vay thỏa thuận bằng lời nói là 02%/tháng; mục đích vay tiền là để vợ chồng ông D, bà L trả nợ cho ngân hàng (hay còn gọi là đáo hạn nợ ngân hàng). Khi cho ông D vay tiền bà H không nhận cầm cố, thế chấp tài sản gì của ông D, bà L.

Khi vay, hai bên có viết 01 tờ "Giấy vay tiền ngày 18/12/2016", ông Điểu D đã ký và ghi họ tên vào giấy vay tiền này. Đến thời hạn trả nợ nhưng ông D và bà L không đến trả tiền cho bà H. Mặc dù bà H đã nhiều lần đến gặp ông D và bà L đòi nợ nhưng ông D, bà L vẫn không trả được cho bà H số tiền nợ gốc và khoản tiền lãi suất nào từ khi vay cho đến nay.

Tại buổi hòa giải của UBND xã B vào ngày 03/5/2018 bà Thị L đã giật tờ giấy vay tiền ngày 18/12/2016 từ tay bà H rồi xé rách thành nhiều mảnh, do đó Công an xã B đã phải lập biên bản tạm giữ đồ vật ngày 03/5/2018 thu giữ lại các mảnh giấy nợ này và dán lại vào một tờ giấy A4 để làm chứng cứ giải quyết vụ việc.

Đối với tờ "Giấy vay tiền ngày 06/06/2016" mà ông Điểu D, bà Thị L đã cung cấp cho Tòa án có nội dung ông Điểu C, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vay của bà H tổng cộng số tiền là 97.020.000 đồng mà có bị đơn ông D là người làm chứng là không đúng sự thật, vì từ trước đến nay bà H chưa bao giờ cho ông C vay số tiền gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Điểu Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông D, bà L trả tiền lãi suất trong thời hạn và lãi suất nợ quá thời hạn được tính từ ngày vay 18/12/2016 đến ngày 12/6/2018 với số tiền là 66.980.000 đồng theo nội dungbà H đã yêu cầu trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2018. Bà H chỉ yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông Điểu D và bà Thị L trả cho bà H số tiền vay gốc là 197.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Bị đơn ông Điểu D trình bày:

Ông D và bà Thị L là vợ chồng. Vợ chồng ông D không vay tiền của bà Điểu Thị H như lời bà H trình bày. Người vay tiền của bà H là ông Điểu C, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thể hiện tại "Giấy vay tiền ngày 06/06/2016", ông C vay của bà H số tiền tổng cộng là 97.020.000 đồng, khi đó ông Điểu D là người làm chứng.

Vì vậy, ông D cũng không ký và ghi họ tên vào trong giấy vay tiền ngày 18/12/2016 mà chị H đã cung cấp cho Tòa án. Do bực tức việc bà H cứ cho rằng ông D, bà L có vay tiền nên vào ngày 03/5/2018 khi UBND xã B tổ chức hòa giải bà L có giật tờ giấy vay tiền này từ tay bà H và xé rách thành nhiều mảnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Điểu D không đồng ý trả số tiền 197.000.000 đồng yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị L trình bày:

Bà L đồng ý thống nhất với lời trình bày của chồng là ông Điểu D. Vợ chồng bà không vay tiền của bà Điểu Thị H. Vì vậy bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

*"**1.**Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Điểu Thị H;*

Buộc bị đơn anh Điểu D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thị L có nghĩa vụ liên đới trả chị Điểu Thị H số tiền gốc vay 197.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng).

***2.**Chấp nhận việc chị Điểu Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu anh Điểu D, chị Thị L trả số tiền lãi suất nợ trong thời hạn và lãi suất nợ quá thời hạn từ ngày vay 18-12- 2016 đến ngày 12- 6- 2018 khởi kiện bằng số tiền 66.980.000 đồng tại Đơn khởi kiện ngày 12- 6- 2018 và nay Hội đồng xét xử không giải quyết gì về lãi suất của số tiền gốc vay 197.000.000 đồng.*

…

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015…" ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 26/02/2019, ông Điểu D, bà Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Điểu Thị H giữ nguyên yêu cầu ông D trả lại cho bà số tiền gốc là 197.000.000 đồng. Tuy nhiên bà H không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Thị L (vợ của ông Điểu D) có nghĩa vụ liên đới trả

nợ mà chỉ yêu cầu một mình ông D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà số tiền 197.000.000 đồng trên.

Bị đơn ông Điểu D thừa nhận đã ký tên vào giấy vay tiền đề ngày 18/12/2016 nhưng là vay cho ông Điểu C nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị L đồng ý thống nhất theo lời trình bày của ông D, không đồng ý trả tiền cho bà H.

Ý kiến của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ liên đới trả nợ do tại phiên tòa nguyên đơn bà Điểu Thị H không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị L có nghĩa vụ liên đới mà chỉ yêu cầu buộc một mình bị đơn ông Điểu D trả cho bà H số tiền 197.000.000đ và cần đình chỉ việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông Điểu D, bà Thị L được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ vào các Điều 36, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B xét xử là đúng thẩm quyền.

- Về tư cách người tham gia tố tụng: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B xác định đúng, không bỏ sót người tham gia tố tụng.

- Về quan hệ tranh chấp: Tòa án nhân dân huyện B xác định đúng quan hệ tranh chấp.

- Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào các Điều 156, 429 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B xác định còn thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Điểu D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị L kháng cáo cho rằng ông D và bà L không vay bất cứ khoản tiền nào của bà H mà thực chất người vay tiền của bà H là ông Điểu C nhưng ông D và bà L không có tài liệu, chứng cứ nào chứng chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông D thừa nhận chữ ký tên và chữ viết tên trong giấy biên nhận vay tiền ngày 18/12/2016 mà bà H cung cấp cho Tòa án là của ông D, nhưng cho rằng bị ép ký, song ông D cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì về việc này. Xét lời thừa nhận của ông D về việc có ký tên trong giấy vay ngày 18/12/2016 phù hợp với Bản kết luận giám định số 4147/C09B ngày 31/10/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh (BL 150), kết luận chữ viết họ tên "Điểu D" dưới mục người vay trong giấy vay tiền ngày 18/12/2016 và chữ viết "Điểu D" trong biên bản về việc thu thập mẫu chữ ký và chữ viết của bị đơn đề ngày 09/8/2018 là cùng một người viết ra; đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên "Điểu D" dưới mục người vay trong giấy vay tiền ngày 18/12/2016 và chữ ký mang tên "Điểu D". Như vậy, họ tên "Điểu D" dưới mục "người vay" trong giấy vay tiền ngày 18/12/2016 là của bị đơn ông Điểu D viết ra. Do đó, có đủ căn cứ xác định có sự việc ông D vay của bà H số tiền gốc là 197.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/12/2016. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D và bà L có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay gốc là 197.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H chỉ yêu cầu Tòa án buộc một mình ông D trả cho bà số tiền nợ là 197.000.000 đồng, không yêu cầu bà L (vợ ông D) liên đới cùng với ông D trả nợ cho bà số tiền trên. Xét yêu cầu này của bà H là tự nguyện được bị đơn đồng ý nên cần sửa án sơ thẩm về phần nghĩa vụ trách nhiệm liên đới trả nợ.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Điểu Thị H có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn tính từ ngày 18/12/2016 đến ngày 12/6/2018 là 66.980.000 đồng theo như Đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2018. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã nhận định việc rút đơn này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận, nhưng trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm Tòa cấp sơ thẩm lại không đề cập nên cần sửa bản án sơ thẩm. Cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định [2.1] [2.2] [2.3] Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Điểu D và bà Thị L.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Điểu D và bà Thị L được chấp nhận một phần nên ông D và bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Điểu D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước;

Áp dụng các Điều 217, 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, 474 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Điểu Thị H;

Buộc ông Điểu D có nghĩa vụ trả cho bà Điểu Thị H số tiền vay gốc là 197.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điểu Thị H;

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Điểu Thị H đối với số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính từ ngày 18/12/2016 đến ngày 12/6/2018 là 66.980.000 đồng.

3. Về chi phí giám định: Ông Điểu D có nghĩa vụ chịu số tiền chi phí giám định tài liệu, chứng cứ là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) mà ông D đã nộp theo Biên bản giao nhận tiền ngày 04/10/2018 và Biên bản thanh toán chi phí giám định ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Điểu D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.850.000 đồng (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Điểu Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018363 ngày 28/06/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Điểu D, bà Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Điểu D số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019664 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Hoàn trả lại cho bà Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019665 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ**

Nguyễn Văn Thư **Bùi Văn Bình** **Nguyễn Văn Nhân**